

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 39

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Bá Thọ	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Quyết Thắng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Trần Văn Thịnh	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	
Bà Đoàn Thị Đồng	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vũ Hoài Ân	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2016
Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61113814 – 18590763/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 18 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		224.294.335.880	128.412.292.020
110	I. Tiền	4	46.599.875.202	12.189.528.769
111	1. Tiền		46.599.875.202	12.189.528.769
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.486.337.380	1.470.579.700
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.590.272.558	2.590.272.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.103.935.178)	(1.119.692.858)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	171.980.079.776	110.234.741.884
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		97.377.255.048	86.572.360.602
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		18.991.319.256	11.837.103.127
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		32.000.000.000	-
136	4. Các khoản phải thu khác		32.761.497.715	18.610.392.472
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.422.925.219)	(7.086.472.884)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		272.932.976	301.358.567
140	IV. Hàng tồn kho	7	2.326.782.972	3.850.341.588
141	1. Hàng tồn kho		2.609.039.975	4.132.598.591
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(282.257.003)	(282.257.003)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.901.260.550	667.100.079
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.825.103.366	574.602.499
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		75.240.864	92.497.580
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		916.320	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		989.362.807.064	547.480.573.147
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	8	2.882.760.000	3.554.580.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		2.751.300.000	3.362.700.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		131.460.000	191.880.000
220	II. Tài sản cố định		71.069.382.856	56.719.743.288
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	69.334.140.856	55.432.193.288
222	Nguyên giá		149.877.522.684	132.967.865.523
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(80.543.381.828)	(77.535.672.235)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.735.242.000	1.287.550.000
228	Nguyên giá		2.921.123.779	2.465.843.779
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.185.881.779)	(1.178.293.779)
230	III. Tài sản dở dang dài hạn		350.068.182	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		350.068.182	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	911.317.819.122	483.864.436.700
251	1. Đầu tư vào công ty con		796.646.393.650	413.260.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24.162.060.000	4.162.060.000
253	3. Đầu tư dài hạn khác		90.509.365.472	75.558.898.375
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(9.116.521.675)
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.742.776.904	3.341.813.159
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.310.798.154	2.904.596.959
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.2	431.978.750	437.216.200
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.213.657.142.944	675.892.865.167

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		898.349.072.064	509.391.500.908
310	I. Nợ ngắn hạn		301.068.822.760	110.980.619.908
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	66.324.657.775	53.265.750.406
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	10.998.621.144	16.445.146.193
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.818.658.617	2.597.733.162
314	4. Phải trả người lao động		3.413.188.118	7.737.494.518
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.994.098.064	709.293.361
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		42.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	179.385.328.734	12.251.221.690
320	8. Vay ngắn hạn	18	28.000.000.000	17.973.980.578
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.092.270.308	-
330	II. Nợ dài hạn		597.280.249.304	398.410.881.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		224.800.000	224.800.000
338	2. Vay dài hạn	18	594.895.555.554	396.000.000.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	19	2.159.893.750	2.186.081.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		315.308.070.880	166.501.364.259
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	315.308.070.880	166.501.364.259
411	1. Vốn cổ phần		275.606.980.000	137.803.490.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		275.606.980.000	137.803.490.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(1.703.034.900)	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		8.378.540.122	8.378.540.122
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		7.276.861.099	7.276.861.099
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.748.724.559	13.042.473.038
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		25.748.724.559	13.042.473.038
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.213.657.142.944	675.892.865.167

Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	355.302.506.096	549.020.203.479
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(289.798.518.694)	(473.564.423.140)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.503.987.402	75.455.780.339
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	473.318.695	570.798.303
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(15.127.156.238) (23.163.523.087)	(453.411.782) (685.308.245)
25	6. Chi phí bán hàng	24	(19.259.914.828)	(32.740.735.579)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(18.041.012.079)	(22.067.589.887)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.549.222.952	20.764.841.394
31	9. Thu nhập khác	26	19.767.573.812	205.455.076
32	10. Chi phí khác	26	(178.906.347)	(2.685.565.328)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		19.588.667.465	(2.480.110.252)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.137.890.417	18.284.731.142
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(6.860.750.888)	(4.850.490.282)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.2	(5.237.450)	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		26.271.902.079	13.434.240.860





Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

9

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		33,137,890,417	18.284.731.142
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	3.624.458.617	3.057.701.665
03	Các khoản dự phòng		(6.795.827.020)	2.473.696.275
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		16.256.025	14.046.652
05	Lãi từ hoạt động đầu tư và nhận hỗ trợ di dời		(20.003.834.451)	(435.108.617)
06	Chi phí lãi vay		24.059.078.641	685.308.245
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		34.038.022.229	24.080.375.362
09	Tăng các khoản phải thu		(31.638.847.217)	(31.435.746.719)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.523.558.616	(18.452.346.993)
11	Tăng các khoản phải trả		19.048.937.762	10.805.710.214
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.656.702.062)	477.501.464
14	Tiền lãi vay đã trả		(20.622.745.310)	(685.308.245)
15	Thuế TNDN đã nộp	27.1	(2.080.571.934)	(5.115.918.461)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(216.735.900)	(3.050.873.945)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.605.083.816)	(23.376.607.323)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(18.324.166.367)	(6.839.162.032)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản và nhận hỗ trợ di dời		120.290.909.091	-
23	Tiền chi cho đơn vị khác vay		(32.000.000.000)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(418.336.860.747)	-
26	Tiền thu do thanh lý đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		39.940.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức		339.001.360	471.514.950
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(308.091.116.663)	(6.367.647.082)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		136.100.455.100	-
33	Tiền thu từ đi vay		396.880.580.112	89.990.863.670
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(188.854.560.690)	(89.990.863.670)
36	Cổ tức đã trả	20.3	(6.424.000)	(8.329.382.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		344.120.050.522	(8.329.382.200)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		34.423.850.043	(38.073.636.605)
60	Tiền đầu kỳ		12.189.528.769	55.985.234.549
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(13.503.610)	11.394.240
70	Tiền cuối kỳ	4	46.599.875.202	17.922.992.184

Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc



Ngày 18 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 315 (31 tháng 12 năm 2015: 257).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.1. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho chủ yếu bao gồm hàng hóa với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư chứng khoán và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Quỹ dự trữ bổ sung vốn lưu động

Quỹ này được trích lập nhằm bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Điều lệ hoạt động của Công ty. Quỹ này đang được ghi nhận trên tài khoản vốn khác của chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	1.289.633.089	722.141.171
Tiền gửi ngân hàng	45.310.242.113	11.467.387.598
TỔNG CỘNG	46.599.875.202	12.189.528.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	15.812.380	(112.060.178)	127.872.558	16.929.700	(110.942.858)
Trong đó:						
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	15.280.180	(111.472.267)	126.752.447	16.440.700	(110.311.747)
Chứng khoán khác	1.120.111	532.200	(587.911)	1.120.111	489.000	(631.111)
Chứng khoán chưa niêm yết	2.462.400.000	1.470.525.000	(991.875.000)	2.462.400.000	1.453.650.000	(1.008.750.000)
Trong đó:						
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	1.537.500.000	545.625.000	(991.875.000)	1.537.500.000	528.750.000	(1.008.750.000)
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Phong Phú	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	368.900.000	368.900.000	-	368.900.000	368.900.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-
TỔNG CỘNG	2.590.272.558	1.486.337.380	(1.103.935.178)	2.590.272.558	1.470.579.700	(1.119.692.858)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	97.377.255.048	86.572.360.602
Trong đó:		
<i>Phải thu bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 28)</i>		
<i>Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải</i>	194.368.500	464.955.000
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	9.694.796.710	4.183.758.580
	87.488.089.838	81.923.647.022
Trả trước cho người bán ngắn hạn	18.991.319.256	11,837,103,127
Trong đó:		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh</i>	8.773.817.614	8.773.817.614
<i>Công ty Cổ phần Nam Phong</i>	4.200.000.000	-
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thuận Phát Cường</i>	3.050.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.967.501.642	3.063.285.513
Phải thu về cho vay ngắn hạn (i)	32.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	32.761.497.715	18.610.392.472
Trong đó:		
<i>Phí vận chuyển trả hộ</i>	16.861.737.205	10.805.975.900
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	12.563.129.968	5.381.027.821
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	3.218.195.000	2.081.298.000
<i>Phải thu khác</i>	118.435.542	342.090.751
Tài sản thiếu chờ xử lý – Hàng tồn kho	272.932.976	301.358.567
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.422.925.219)	(7.086.472.884)
GIÁ TRỊ THUẦN	171.980.079.776	110.234.741.884

(i) Phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans, công ty con của Công ty, vay tín chấp với mức lãi suất 5,3%/năm. Khoản cho vay này có thời gian đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh số 28).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	7.086.472.884	2.388.572.852
Dự phòng trích lập trong kỳ	2.388.556.652	3.060.650.915
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(52.104.317)	-
Số cuối kỳ	9.422.925.219	5.449.223.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Hàng hóa	1.637.113.902	4.132.598.591
Hàng mua đang đi trên đường	971.926.073	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(282.257.003)	(282.257.003)
TỔNG CỘNG	2.326.782.972	3.850.341.588

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ	2.751.300.000	3.362.700.000
Phải thu dài hạn khác		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	131.460.000	191.880.000
TỔNG CỘNG	2.882.760.000	3.554.580.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

					VND
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	75.258.146.902	6.007.517.506	49.611.686.456	2.090.514.659	132.967.865.523
Mua trong kỳ	-	-	17.518.818.185	-	17.518.818.185
Thanh lý	-	-	(609.161.024)	-	(609.161.024)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>75.258.146.902</u>	<u>6.007.517.506</u>	<u>66.521.343.617</u>	<u>2.090.514.659</u>	<u>149.877.522.684</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>33.390.749.049</i>	<i>3.440.130.340</i>	<i>13.323.027.762</i>	<i>985.263.915</i>	<i>51.139.171.066</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	40.940.407.094	4.842.475.433	30.320.797.089	1.431.992.619	77.535.672.235
Khấu hao trong kỳ	1.121.422.230	164.993.796	2.218.100.499	112.354.092	3.616.870.617
Thanh lý	-	-	(609.161.024)	-	(609.161.024)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>42.061.829.324</u>	<u>5.007.469.229</u>	<u>31.929.736.564</u>	<u>1.544.346.711</u>	<u>80.543.381.828</u>
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>34.317.739.808</u>	<u>1.165.042.073</u>	<u>19.290.889.367</u>	<u>658.522.040</u>	<u>55.432.193.288</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>33.196.317.578</u>	<u>1.000.048.277</u>	<u>34.591.607.053</u>	<u>546.167.948</u>	<u>69.334.140.856</u>

Công ty đã sử dụng nhà cửa và vật kiến trúc với giá trị còn lại là 33.196.317.578 VND làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước. Chi tiết của khoản trái phiếu này được thể hiện trong *Thuyết minh số 18.2*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Trang web</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.287.550.000	1.016.430.750	161.863.029	2.465.843.779
Mua trong kỳ	-	455.280.000	-	455.280.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.287.550.000	1.471.710.750	161.863.029	2.921.123.779
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Giá trị hao mòn lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Khấu trừ trong kỳ	-	7.588.000	-	7.588.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	1.024.018.750	161.863.029	1.185.881.779
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.287.550.000	-	-	1.287.550.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.287.550.000	447.692.000	-	1.735.242.000

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 1.287.550.000 VND làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước. Chi tiết của khoản trái phiếu này được thể hiện trong *Thuyết minh số 18.2*.

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 11.1</i>)	796.646.393.650	-	413.260.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (<i>Thuyết minh số 11.2</i>)	24.162.060.000	-	4.162.060.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 11.3</i>)	90.509.365.472	-	75.558.898.375	(9.116.521.675)
TỔNG CỘNG	911.317.819.122	-	492.980.958.375	(9.116.521.675)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			%	VND	%	VND
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (i)	Logistic	Đang hoạt động	100	600.000.000.000	100	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức (ii)	Logistic	Đang hoạt động	51	171.786.393.650	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín (iii)	Logistic	Đang hoạt động	51	14.660.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (iv)	Logistic	Đang hoạt động	51	10.200.000.000	51	10.200.000.000
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Bất động sản	Trước hoạt động	-	-	51	3.060.000.000
TỔNG CỘNG				796.646.393.650		413.260.000.000

- (i) Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của SII từ 400 tỷ VND lên 600 tỷ VND. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, việc góp vốn thêm bằng tiền này đã được hoàn thành.
- (ii) Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức (“Vietranstimex”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0400101901 do SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Vietranstimex là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã mua 10.695.900 cổ phiếu của Vietranstimex, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này, trong đó 6.345.000 cổ phiếu của Vietranstimex được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước của Công ty. Chi tiết của các trái phiếu này được thể hiện trong *Thuyết minh số 18.2*. Sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty cũng đã hoàn tất việc mua thêm 5.033.340 cổ phiếu của Vietranstimex. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Vietranstimex tăng từ 51% lên 75%.
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín (“Bảo Tín”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3001806817 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 3 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Bảo Tín là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã mua 1.466.600 cổ phiếu của Bảo Tín, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này.
- (iv) Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên doanh, liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			%	VND	%	VND
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (i)	Bất động sản	Trước hoạt động	50,00	10.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (ii)	Bất động sản	Trước hoạt động	50,00	10.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Lô-Gi-STíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”) (iii)	Logistics	Đang hoạt động	24,50	4.162.060.000	24,50	4.162.060.000
TỔNG CỘNG				24.162.060.000		4.162.060.000

- (i) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, chủ sở hữu của SORECO đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của SORECO từ 6 tỷ VND lên 20 tỷ VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chỉ góp thêm 6.940.000.000 VND vào SORECO. Việc góp vốn thêm này làm giảm quyền sở hữu của Công ty trong SORECO từ 51% xuống còn 50%. Theo đó, Công ty không còn quyền kiểm soát đối với SORECO và ghi nhận khoản đầu tư vào SORECO như một khoản đầu tư vào công ty liên doanh được đồng kiểm soát.
- (ii) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (“The Pier”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNNĐKKD số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã góp 10 tỷ VND vào The Pier, tương đương 50% tỷ lệ sở hữu trong công ty liên doanh này.
- (iii) Công ty TNHH Lô-Gi-STíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”), một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015 với vốn điều lệ là 16.988.000.000 VND. Hoạt động chính của Gefco – Sotrans Logistics là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải và dịch vụ kho bãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MHC ("MHC"). Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty sở hữu 5.425.249 cổ phiếu tương đương 19,06% vốn chủ sở hữu của MHC.

Tất cả cổ phiếu của MHC được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước của Công ty. Chi tiết của trái phiếu này được thể hiện trong *Thuyết minh số 18.2*.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.532.616.858	80.304.951
Khác	292.486.508	494.297.548
	<u>1.825.103.366</u>	<u>574.602.499</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.772.064.321	58.432.394
Khác	538.733.833	2.846.164.565
	<u>3.310.798.154</u>	<u>2.904.596.959</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.135.901.520</u>	<u>3.479.199.458</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	7.388.697.000	6.310.428.039
Phải trả Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Minh Tài	7.181.890.011	-
Phải trả người bán khác	51.754.070.764	46.556.439.119
TỔNG CỘNG	<u>66.324.657.775</u>	<u>53.265.750.406</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 28</i>)	10.042.651.685	15.951.866.064
Người mua khác trả tiền trước	955.969.459	493.280.129
TỔNG CỘNG	<u>10.998.621.144</u>	<u>16.445.146.193</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng	Giảm
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế giá trị gia tăng	1.553.329.232	24.992.322.011	(25.465.304.544)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.1)	907.225.188	6.860.750.888	(2.080.571.934)
Thuế thu nhập cá nhân	137.178.742	1.436.511.602	(1.522.782.568)
TỔNG CỘNG	2.597.733.162	33.289.584.501	(29.068.659.046)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí lãi vay	3.102.777.777	562.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	891.320.287	147.293.361
TỔNG CỘNG	3.994.098.064	709.293.361

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	100.000.000.000	-
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	-
Nhận tạm ứng từ bên liên quan	17.000.000.000	-
Cổ tức phải trả	11.201.422.563	183.567.363
Nhận ký quỹ	9.770.685.450	9.460.861.365
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.473.220.721	2.606.792.962
TỔNG CỘNG	179.385.328.734	12.251.221.690

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan

(Thuyết minh số 28)

Phải trả các bên khác

124.000.000.000

7.000.000.000

55.385.328.734

5.251.221.690

(i) Đây là các khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ The Pier và SORECO theo các Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao các khu đất lần lượt tại số 1B, Đường Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4 và tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Đây là các khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS và số 02/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier và SORECO.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vay ngắn hạn	28.000.000.000	17.973.980.578
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	28.000.000.000	-
Vay đơn vị khác	-	17.973.980.578
Vay dài hạn	594.895.555.554	396.000.000.000
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 18.2)	594.895.555.554	396.000.000.000
TỔNG CỘNG	622.895.555.554	413.973.980.578

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	17.973.980.578	396.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	198.880.580.112	198.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	(188.854.560.690)	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	895.555.554
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	28.000.000.000	594.895.555.554

18.1 Vay ngân hàng

Công ty có khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Số cuối kỳ được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	28.000.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2016	4,8	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết trái phiếu vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Giá trị</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ hạn</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	Ngày 23 tháng 12 năm 2015	400.000.000.000	6 năm
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (ii)	Ngày 19 tháng 4 năm 2016	130.000.000.000	3 năm
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	Ngày 22 tháng 6 năm 2016	70.000.000.000	3 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		(5.104.444.446)	
TỔNG CỘNG		594.895.555.554	

- (i) Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 400 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau sáu (6) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 5,87%/năm cho kỳ ba tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ ba tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Vietinbank cộng với biên độ 3,5%/năm. Công ty được quyền mua lại trái phiếu trước hạn sau hai (2) năm kể từ ngày phát hành hoặc duy trì các khoản tiền gửi (bao gồm cả tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn) tại ngân hàng Vietinbank và các khoản tiền gửi này sẽ được phong tỏa sao cho tổng số dư các khoản tiền gửi này là:

- tối thiểu tương đương 100 tỷ VND từ thời điểm hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành; và
- tối thiểu tương đương 200 tỷ VND từ thời điểm ba mươi sáu (36) tháng đến bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là các tài sản thuộc sở hữu của Công ty bao gồm các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất là văn phòng, nhà xưởng và nhà kho tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất, nhà kho và cầu cảng tại Km số 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức; quyền sử dụng đất và nhà số 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt; Kho Sotrans Long Bình – Đồng Nai; và các tài sản hình thành trong tương lai gồm tài sản thuộc Dự án Kho Sotrans Phú Mỹ, 5.425.249 cổ phiếu của MHC và 36.905.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam, một công ty con của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

- (ii) Vào ngày 19 tháng 4 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 130 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (“Việt Cát”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 7.316.180 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận Tải Đa Phương Thức, trong đó 1.845.000 cổ phiếu do Công ty sở hữu, 1.318.740 cổ phiếu do Ông Nguyễn Lã Thảo sở hữu và 4.152.440 cổ phiếu do Công ty Cổ phần SCI sở hữu; và 3.279.317 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty Cổ phần MHC sở hữu.

- (iii) Vào ngày 22 tháng 6 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 70 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 4.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận Tải Đa Phương Thức do Công ty sở hữu và 5.000.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	83.518.570.000	-	8.097.890.172	28.139.561.099	33.441.158.743	153.197.180.014
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	13.434.240.860	13.434.240.860
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(20.879.642.500)	(20.879.642.500)
Trích lập các quỹ	-	-	280.649.950	-	(3.287.149.450)	(3.006.499.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(306.700.619)	(306.700.619)
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>83.518.570.000</u>	<u>-</u>	<u>8.378.540.122</u>	<u>28.139.561.099</u>	<u>22.401.907.034</u>	<u>142.438.578.255</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	137.803.490.000	-	8.378.540.122	7.276.861.099	13.042.473.038	166.501.364.259
Phát hành cổ phiếu (i)	137.803.490.000	(1.703.034.900)	-	-	-	136.100.455.100
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	26.271.902.079	26.271.902.079
Cổ tức đã công bố (ii)	-	-	-	-	(11.024.279.200)	(11.024.279.200)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(2.537.586.653)	(2.537.586.653)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(3.784.705)	(3.784.705)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>275.606.980.000</u>	<u>(1.703.034.900)</u>	<u>8.378.540.122</u>	<u>7.276.861.099</u>	<u>25.748.724.559</u>	<u>315.308.070.880</u>

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 8 năm 2015, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VND/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 13.780.563 cổ phiếu được phát hành thêm, để đầu tư xây dựng kho Phú Mỹ và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

Sau đó, theo Nghị Quyết của HĐQT ngày 24 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 13.780.349 cổ phiếu theo kế hoạch trên, tương đương với 137.803.490.000 VNĐ. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 137.803.490.000 VNĐ lên 275.606.980.000 VND theo theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Kinh Doanh sửa đổi lần thứ 10 ngày 17 tháng 5 năm 2015.

- (ii) Công ty đã công bố cổ tức năm 2015 tại mức 4% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày
	30 tháng 6 năm 2016	30 tháng 6 năm 2015
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	27.560.698	8.351.857
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	27.560.698	8.351.857
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015: 10.000 VND).		

20.3 Cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày
	30 tháng 6 năm 2016	30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong kỳ		
Cổ tức đã công bố trong kỳ	11.024.279.200	20.879.642.500
Cổ tức đã trả trong kỳ	6.424.000	8.329.382.200

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày
	30 tháng 6 năm 2016	30 tháng 6 năm 2015
Doanh thu cung cấp dịch vụ	305.459.011.571	430.781.153.624
Doanh thu bán hàng hóa	49.843.494.525	118.239.049.855
TỔNG CỘNG	355.302.506.096	549.020.203.479

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày
	30 tháng 6 năm 2016	30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức được chia	195.224.000	89.985.000
Lãi tiền gửi	143.777.360	345.123.617
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	134.317.335	135.689.686
TỔNG CỘNG	473.318.695	570.798.303

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	244.899.263.556	362.119.739.190
Giá vốn của hàng hóa đã bán	44.899.255.138	111.444.683.950
TỔNG CỘNG	289.798.518.694	473.564.423.140

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền vay	23.163.523.087	685.308.245
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	895.555.554	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	200.766.221	355.058.178
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(9.132.688.624)	(586.954.641)
TỔNG CỘNG	15.127.156.238	453.411.782

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí bán hàng	19.259.914.828	32.740.735.579
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí lương	12.148.393.680	20.048.994.949
Chi phí bán hàng khác	7.111.521.148	12.691.740.630
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.041.012.079	22.067.589.887
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí lương	9.865.974.103	9.174.305.795
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.336.452.335	3.060.650.915
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.838.585.641	9.832.633.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.899.263.556	371.487.595.046
Giá vốn hàng hoá đã bán	44.899.255.138	111.444.683.950
Chi phí nhân công	22.014.367.783	28.007.809.982
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	3.624.458.617	3.057.701.665
Chi phí khác	11.662.100.507	14.374.957.963
TỔNG CỘNG	327.099.445.601	528.372.748.606

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập khác	19.767.573.812	205.455.076
Nhận tiền hỗ trợ di dời	19.373.924.000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	290.909.091	-
Thu nhập khác	102.740.721	205.455.076
Chi phí khác	(178.906.347)	(2.685.565.328)
Chi phí nộp phạt	(175.378.376)	(2.685.561.964)
Chi phí khác	(3.527.971)	(3.364)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	19.588.667.465	(2.480.110.252)

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập tính thuế:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.137.890.417	18.284.731.142
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	582.904.295	2.954.529.639
Thu nhập không chịu thuế	(283.774.000)	(89.985.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính	33.437.020.712	21.149.275.781
Chi phí thuế TNDN ước tính phải nộp	6.687.404.142	4.652.840.672
Thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	173.346.746	197.649.610
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	6.860.750.888	4.850.490.282
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	907.225.188	3.118.268.851
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(2.080.571.934)	(5.115.918.461)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	5.687.404.142	2.852.840.672

27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Dự phòng trợ cấp thôi việc	431.978.750	437.216.200	(5.237.450)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với công ty có liên quan trong kỳ bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	18.683.467.704	-
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	202.090.909	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín	Công ty con	Mua dịch vụ	7.660.242.699	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Cho vay	32.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Ứng trước tiền hỗ trợ di dời	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Ứng trước tiền hỗ trợ di dời	40.000.000.000	-
		Thu nhập từ nhận hỗ trợ di dời	20.000.000.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

			VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	<u>194.368.500</u>	<u>464.955.000</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Cho vay	<u>32.000.000.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	10.042.651.685	15.951.866.064
Phải trả người bán ngắn hạn				
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	222.300.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín	Công ty con	Mua dịch vụ	7.166.397.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Mua dịch vụ	-	6.310.428.039
			7.388.697.000	6.310.428.039
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên kết	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	40.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Nhận tạm ứng	17,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Đặt cọc thuê cảng	7.000.000.000	7.000.000.000
			124.000.000.000	7.000.000.000

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương, thù lao và thưởng	1.882.335.503	2.388.203.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	9.836.166.175	11.616.464.307
Từ 1 đến 5 năm	21.781.098.560	23.921.132.080
Trên 5 năm	-	483.623.920
TỔNG CỘNG	<u>31.617.264.735</u>	<u>36.021.220.307</u>

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản cam kết với số tiền 8.324.120.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào một công ty liên kết, là công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”).

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	182.521	18.449
- Đồng Euro (EUR)	1.647	1.658
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	624.958.040	624.958.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2016, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về việc phát hành 1.102.427 cổ phiếu để trả cổ tức tại mức 4% trên mệnh giá cổ phiếu; phát hành 1.653.641 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty từ vốn khác của chủ sở hữu; và phát hành 55.121.396 cổ phiếu với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VND/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:2 (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu được mua 2 cổ phiếu phát hành thêm) cho mục đích mua bán, sáp nhập doanh nghiệp và trả nợ trái phiếu đã phát hành.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Phát hành cổ phiếu, và đã thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng.

Ngoài sự kiện nêu trên và sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 11.1, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2016